

BÀN VỀ THỜI HẠN RA QUYẾT ĐỊNH XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH THEO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH VÀ MỘT SỐ KIẾN NGHỊ

Nguyễn Thị Mai¹

Tóm tắt: Luật Xử lý vi phạm hành chính (XLVPHC) năm 2012 được sửa đổi bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật XLVPHC được Quốc hội khóa XIV, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 13/11/2020, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2022 (Luật số 67/2020/QH14). Theo đó nhiều nội dung cơ bản, quan trọng của Luật XLVPHC đã được sửa đổi, bổ sung, khắc phục được một số khó khăn, vướng mắc, bất cập qua thực tiễn thi hành. Tuy nhiên, mặc dù vừa được sửa đổi bổ sung nhưng từ thực tiễn áp dụng, chúng tôi thấy còn một số vấn đề vẫn cần nghiên cứu để tiếp tục hoàn thiện. Trong phạm vi bài viết này, chúng tôi xin được trao đổi một số vấn đề về thời hạn ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính (QĐXPVPHC), những điểm mới của Luật số 67/2020/QH14 về thời hạn ra QĐXPVPHC và một số kiến nghị nhằm tiếp tục hoàn thiện.

Từ khóa: Thời hạn ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính, những điểm mới của Luật Xử lý vi phạm hành chính.

Nhận bài: 17/3/2022; Hoàn thành biên tập: 06/4/2022; Duyệt đăng: 21/4/2022.

Abstract: The Law on handling administrative violations in 2012 has been amended and supplemented under the Law on amendment, supplement of some articles of the Law on handling administrative violations passed at the 10th session by the 14th National Assembly on November 13, 2020. This Law takes effect from January 1, 2022 (hereinafter referred as the Law No. 67/2020/QH14). Accordingly, many basic and important contents of the Law on handling administrative violations have been amended, supplemented, repairing some difficulties, obstacles, shortcomings in enforcement, but some issues need to be studied for finalization. In this article, the author discusses some issues on the time limit to issue decision on handling administrative violations, new points in the Law No. 67/2020/QH14 on these issues and suggests some recommendations for finalization.

Keywords: Time limit to issue decision of sanctioning administrative violations, time limit to sanction administrative violations.

Date of receipt: 17/3/2022; Date of revision: 06/4/2022; Date of Approval: 21/4/2022.

1. Một số vấn đề chung về thời hạn và thời hạn ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính

Luật XLVPHC và Luật số 67/2020/QH14 đều không có điều luật quy định về thời hạn. Điều 8 Luật XLVPHC năm 2012 quy định: “Cách tính thời hạn, thời hiệu trong xử lý vi phạm hành chính được áp dụng theo quy định của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp Luật

này có quy định cụ thể thời gian theo ngày làm việc”.

Bộ luật Dân sự (BLDS) quy định: Thời hạn là khoảng thời gian được xác định từ thời điểm này đến thời điểm khác. Thời điểm bắt đầu của thời hạn được xác định bằng ngày, tuần, tháng, năm thì ngày đầu tiên của thời hạn không được tính mà tính từ ngày tiếp theo liền kề ngày được xác định. Thời điểm kết thúc của thời hạn

¹ Thạc sỹ, Nguyên Chánh án Tòa án nhân dân Thành phố Hải Phòng.



nếu thời hạn được tính bằng ngày thì thời điểm kết thúc của thời hạn là ngày cuối cùng của thời hạn. Khi ngày cuối cùng của thời hạn là ngày nghỉ cuối tuần hoặc ngày nghỉ lễ thì thời hạn kết thúc tại thời điểm kết thúc ngày làm việc tiếp theo ngày nghỉ đó. BLDS không quy định về thời hạn ngày làm việc, vì vậy Điều 8 Luật XLVPHC đã loại trừ không áp dụng BLDS trong trường hợp Luật XLVPHC có quy định thời hạn là ngày làm việc.

Căn cứ quy định về thời hạn được quy định trong BLDS, căn cứ Điều 66 Luật XLVPHC chúng ta có thể hiểu thời hạn ra QĐXPVPHC là khoảng thời gian từ thời điểm lập biên bản vi phạm hành chính (BBVPHC) đến thời điểm người có thẩm quyền ra QĐXPVPHC (trừ trường hợp pháp luật quy định không phải lập biên bản vi phạm hành chính) Nếu thời hạn ra QĐXPVPHC được tính là ngày thì ngày lập BBVPHC không được tính vào thời hạn mà tính từ ngày tiếp theo liền kề ngày lập BBVPHC. Thời điểm kết thúc của thời hạn là ngày cuối cùng của thời hạn. Khi ngày cuối cùng của thời hạn là ngày nghỉ cuối tuần hoặc ngày nghỉ lễ thì thời điểm cuối cùng của thời hạn ra QĐXPVPHC là ngày làm việc tiếp theo ngày nghỉ đó.

2. Quy định của Luật xử lý vi phạm hành chính về thời hạn ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính và một số bất cập, khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn thi hành

Luật XLVPHC quy định về thời hạn ra QĐXPVPHC ở một số điều luật khác nhau tương ứng với từng trường hợp cụ thể.

Một là, đối với thời hạn ra QĐXPVPHC thuộc thẩm quyền của người có thẩm quyền xử phạt hành chính mà không thuộc trường hợp phải chuyển hồ sơ cho cơ quan khác được quy định tại Điều 66 Luật XLVPHC, cụ thể như sau:

“1. Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính phải ra QĐXPVPHC trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập BBVPHC. Đối với vụ việc có nhiều tình tiết phức tạp mà không thuộc trường hợp giải trình hoặc đối với vụ việc

thuộc trường hợp giải trình theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 61 của Luật này thì thời hạn ra quyết định xử phạt tối đa là 30 ngày, kể từ ngày lập biên bản.

Trường hợp vụ việc đặc biệt nghiêm trọng, có nhiều tình tiết phức tạp và thuộc trường hợp giải trình theo quy định tại đoạn 2 khoản 2 và khoản 3 Điều 61 của Luật này mà cần có thêm thời gian để xác minh, thu thập chứng cứ thì người có thẩm quyền đang giải quyết vụ việc phải báo cáo thủ trưởng trực tiếp của mình bằng văn bản đề xin gia hạn; việc gia hạn phải bằng văn bản, thời hạn gia hạn không được quá 30 ngày”.

Quy định nêu trên tại khoản 1 Điều 66 Luật XLVPHC cho thấy có 3 loại thời hạn ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính:

(i) Thời hạn 7 ngày kể từ ngày lập BBVPHC được áp dụng đối với vụ việc hành vi vi phạm thông thường. Thực tiễn xử lý vi phạm hành chính trong những năm qua cho thấy nhiều vụ việc người có thẩm quyền xử phạt vi phạm gặp rất nhiều khó khăn khi thực hiện thời hạn này, bởi lẽ thời hạn 7 ngày đương nhiên sẽ bao gồm cả ngày nghỉ cuối tuần (thứ bảy và chủ nhật), nhất là ngày nghỉ cuối tuần lại ở khoảng đầu hoặc giữa của thời hạn, chưa kể một tuần nào đó lại có thêm ngày nghỉ lễ mà ngày nghỉ lễ đó không trùng vào ngày cuối cùng của thời hạn thì thời hạn 7 ngày thực chất chỉ còn 4-5 ngày để người có thẩm quyền xem xét ra quyết định xử phạt. Hoặc trong trường hợp sau khi lập BBVPHC phát hiện vụ việc vi phạm không thuộc thẩm quyền của người đã lập biên bản, cần phải chuyển vụ việc đến người có thẩm quyền xử phạt thì thời hạn 7 ngày là không đáp ứng được. Trong khi đó hậu quả pháp lý của việc để quá thời hạn xử phạt vi phạm hành chính được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 65 và khoản 2 Điều 66, Luật XLVPHC là nếu quá thời hạn thì không được ra quyết định xử phạt, chỉ được áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả, quyết định tịch thu sung vào ngân sách nhà nước hoặc tiêu hủy tang vật vi phạm hành chính thuộc loại cấm lưu

hành dẫn tới không xử phạt được nhiều hành vi vi phạm hành chính do quá thời hạn ban hành quyết định xử phạt.

(ii) Thời hạn 30 ngày kể từ ngày lập BBVPHC. Đối với loại thời hạn này có hai trường hợp được áp dụng là: Vụ việc có nhiều tình tiết phức tạp mà không thuộc trường hợp giải trình và đối với vụ việc thuộc trường hợp giải trình theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 61 của Luật XLVPHC (Khoản 2 Điều 61 quy định việc giải trình bằng văn bản; khoản 3 Điều 61 quy định giải trình trực tiếp).

Thực tiễn áp dụng do Luật XLVPHC và các Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số biện pháp thi hành Luật XLVPHC, Nghị định số 97/2017/NĐ-CP ngày 18/8/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2013/NĐ-CP không quy định thế nào là vụ việc vi phạm hành chính có tình tiết phức tạp, gây khó khăn cho người có thẩm quyền xử phạt. Tại khoản 17 Điều 3 Thông tư số 19/2017/TT-BTC ngày 28/2/2017 của Bộ Tài chính về việc lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước chi cho công tác quản lý nhà nước về thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính quy định: “Chi hỗ trợ cán bộ, công chức làm công tác kiểm tra, đánh giá các văn bản, tài liệu trong hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính, hồ sơ đề nghị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính có nội dung phức tạp, phạm vi rộng, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nhiều cá nhân, tổ chức. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quy định cụ thể về thẩm quyền và cách thức xác định các hồ sơ phức tạp tại Bộ, ngành, địa phương mình xác định tình tiết phức tạp trong vi phạm hành chính”.

Như vậy, khi tham mưu ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, để xác định vụ việc vi phạm hành chính phức tạp người có thẩm quyền xử phạt phải căn cứ vào quy định của các Bộ, Thủ trưởng cơ quan trung ương và

UBND tỉnh để xác định, dẫn đến không thống nhất. Mỗi bộ, ngành và UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có thể có những quy định khác nhau về vụ việc vi phạm hành chính phức tạp.

(iii) Thời hạn 60 ngày kể từ ngày lập BBVPHC được áp dụng đối với vụ việc đặc biệt nghiêm trọng, có nhiều tình tiết phức tạp và thuộc trường hợp quy định tại đoạn 2 khoản 2 và khoản 3 Điều 61 Luật XLVPHC mà cần có thêm thời gian để xác minh thu thập chứng cứ và người có thẩm quyền đang giải quyết vụ việc phải báo cáo thủ trưởng trực tiếp của mình bằng văn bản để xin gia hạn và việc đồng ý gia hạn phải bằng văn bản.

Theo quy định nêu trên, người có thẩm quyền đang giải quyết vụ việc chỉ được áp dụng thời hạn 60 ngày đối với vụ việc vi phạm khi có đủ 4 yếu tố đó là: (1) vụ việc đặc biệt nghiêm trọng có nhiều tình tiết phức tạp; (2) thuộc trường hợp phải giải trình theo quy định tại đoạn 2 khoản 2 và khoản 3 Điều 61; (3) cần có thêm thời gian để xác minh thu thập chứng cứ; (4) người có thẩm quyền xử lý phải báo cáo xin gia hạn với thủ trưởng trực tiếp của mình bằng văn bản và việc đồng ý gia hạn phải bằng văn bản.

Thực tiễn thi hành quy định này cũng gặp khó khăn vướng mắc trong việc xác định vụ việc đặc biệt nghiêm trọng, có nhiều tình tiết phức tạp. Việc xác định người có thẩm quyền đang giải quyết vụ việc cũng còn nhiều cách hiểu khác nhau. Có thể hiểu là người có thẩm quyền xử phạt hành chính hoặc là những người thực thi công vụ được giao giải quyết vụ việc (có thể là những cán bộ, công chức, viên chức hoặc những người có thẩm quyền lập BBVPHC). Đồng thời cũng gặp vướng mắc trong việc xác định thủ trưởng trực tiếp của người có thẩm quyền đang giải quyết vụ việc là ai? Mặc dù Điều 6e Nghị định số 97/2017/NĐ-CP ngày 18/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định: “Thủ trưởng trực tiếp của người có thẩm quyền đang

giải quyết vụ việc theo quy định tại các Điều 66, 77, 125 và 128 Luật xử lý vi phạm hành chính là cấp trên trực tiếp trong quan hệ hành chính đối với người đang giải quyết vụ việc”. Tuy nhiên, thực tiễn thi hành vẫn gặp một số vướng mắc trong trường hợp người có thẩm quyền giải quyết vụ việc là nhân viên thi hành công vụ, thủ trưởng trực tiếp của nhân viên này là trưởng phòng (đối với các sở ngành) hoặc đội trưởng (đối với cơ quan Hải quan). Nếu vi phạm hành chính do nhân viên thi hành công vụ, họ là những người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật mà vụ việc vi phạm họ phát hiện không thuộc thẩm quyền của thủ trưởng trực tiếp thì trong trường hợp này, ai là người xin gia hạn và ai là người cho phép gia hạn?

Hai là, đối với thời hạn ra QĐXPVPHC trong trường hợp việc chuyển hồ sơ vụ việc vi phạm hành chính đến cơ quan tiến hành tố tụng khi thấy có dấu hiệu tội phạm. Khoản 1 Điều 62 Luật XLVPHC quy định: Trường hợp khi xem xét vụ việc vi phạm để quyết định xử phạt vi phạm hành chính, nếu xét thấy hành vi vi phạm có dấu hiệu tội phạm, thì người có thẩm quyền xử phạt chuyển ngay hồ sơ cho cơ quan tiến hành tố tụng hình sự.

Đây là trường hợp khi xem xét vụ việc vi phạm, người có thẩm quyền xử phạt chưa ra QĐXPVPHC mà phát hiện có dấu hiệu tội phạm thì phải chuyển ngay hồ sơ cho cơ quan tiến hành tố tụng. Khác với quy định tại khoản 2 Điều 62 là trường hợp người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính đã ra quyết định xử phạt, trong quá trình thi hành QĐXPVPHC nếu phát hiện có dấu hiệu tội phạm thì người đã ra quyết định xử phạt tạm đình chỉ thi hành quyết định xử phạt và chuyển hồ sơ cho cơ quan tiến hành tố tụng.

Có thể thấy bất cập của quy định tại khoản 2 Điều 62 Luật XLVPHC là không quy định thời hạn từ khi người có thẩm quyền xử phạt phát hiện hành vi vi phạm có dấu hiệu tội phạm đến khi chuyển hồ sơ cho cơ quan tiến hành tố tụng là bao nhiêu ngày. Trong trường

hợp sau khi tiếp nhận hồ sơ của người có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính chuyển đến, nếu cơ quan tiến hành tố tụng thấy không có đủ căn cứ để ra quyết định khởi tố vụ án hình sự thì theo quy định tại khoản 3 Điều 62 trong thời hạn 3 ngày kể từ ngày ra quyết định không khởi tố vụ án hình sự, cơ quan tiến hành tố tụng phải chuyển lại hồ sơ vụ việc cho người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính. Tuy nhiên Luật XLVPHC không quy định sau khi nhận được quyết định không khởi tố vụ án hình sự cùng với hồ sơ vụ việc do cơ quan tiến hành tố tụng chuyển lại thì trong thời hạn bao nhiêu ngày người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính phải ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính. Đối với trường hợp này, nếu người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính kéo dài thời hạn ra QĐXPVPHC thì cũng không bị coi là quá thời hạn ra quyết định xử phạt và không bị điều chỉnh về hậu quả pháp lý của việc để quá thời hạn ra QĐXPVPHC theo quy định của Điều 65 Luật XLVPHC. Nếu người bị xử phạt có yêu cầu khiếu nại hoặc khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án thì việc xem xét tính hợp pháp của quyết định này về thời hạn sẽ gặp khó khăn.

Ba là, về thời hạn ra QĐXPVPHC trong trường hợp hồ sơ vụ vi phạm do cơ quan tiến hành tố tụng chuyển đến người có thẩm quyền xử phạt hành chính. Khoản 1 Điều 63 Luật XLVPHC quy định: Đối với vụ việc do cơ quan tiến hành tố tụng hình sự thụ lý, giải quyết, nhưng sau đó lại có quyết định không khởi tố vụ án hình sự, quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố vụ án hình sự...nếu hành vi có dấu hiệu vi phạm hành chính thì trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày ra quyết định, cơ quan tiến hành tố tụng hình sự phải chuyển các quyết định nêu trên kèm theo hồ sơ, tang vật, phương tiện của vụ vi phạm và đề nghị xử phạt vi phạm hành chính đến người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính.

Theo quy định tại khoản 3 Điều 63 Luật XLVPHC, thời hạn ra QĐXPVPHC trong

trường hợp này là 30 ngày, kể từ ngày nhận được các quyết định quy định của cơ quan tiến hành tố tụng kèm theo hồ sơ vụ vi phạm. Trong trường hợp cần xác minh thêm thì thời hạn tối đa không quá 45 ngày.

Quy định trên cho thấy, thời hạn ra QĐXPVPHC trong trường hợp này không tuân theo quy định tại Điều 66 Luật XLVPHC là tính từ ngày lập BBVPHC mà tính từ ngày nhận được quyết định và hồ sơ của cơ quan tiến hành tố tụng. Người có thẩm quyền xử phạt có thể ra QĐXPVPHC mà không phải lập BBVPHC. Tuy nhiên, việc ra QĐXPVPHC không lập BBVPHC trong trường hợp này là không phù hợp với các quy định khác của pháp luật, bởi lẽ tại khoản 1 Điều 56 Luật XLVPHC quy định: “Xử phạt vi phạm hành chính không lập biên bản được áp dụng trong trường hợp xử phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền đến 250.000 đồng đối với cá nhân, 500.000 đồng đối với tổ chức và người có thẩm quyền xử phạt phải ra QĐXPVPHC tại chỗ”. Khoản 1 Điều 57 Luật XLVPHC quy định: “Xử phạt vi phạm hành chính có lập biên bản được áp dụng đối với hành vi vi phạm hành chính của cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính không thuộc trường hợp quy định tại đoạn 1 khoản 1 Điều 56 của Luật này”.

Về hậu quả pháp lý của việc ra QĐXPVPHC không đúng thời hạn được quy định tại khoản 2 Điều 66 Luật XLVPHC là quá thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 66 hoặc khoản 3 Điều 63 của Luật XLVPHC, người có thẩm quyền xử phạt được không ra quyết định xử phạt nhưng vẫn quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả... Tuy nhiên tại khoản 2 Điều 65 Luật XLVPHC lại quy định: Đối với trường hợp quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều này người có thẩm quyền xử phạt không ra QĐXPVPHC nhưng *có thể* ra quyết định tịch thu sung vào ngân sách nhà nước hoặc tiêu hủy tang vật vi phạm hành chính thuộc loại cấm lưu hành và áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 1 Điều 28 Luật XLVPHC (Điểm c khoản 1 Điều 65 quy định không ra

QĐXPVPHC trong trường hợp hết thời hiệu, thời hạn ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính).

Như vậy về cùng một chế định quá thời hạn ra QĐXPVPHC được quy định khác nhau ở các điều luật.

3. Một số điểm mới của Luật số 67/2020/QH14 về thời hạn ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính và kiến nghị

Từ những khó khăn vướng mắc, bất cập trong việc thực thi Luật XLVPHC trong thực tiễn về thời hạn ra QĐXPVPHC, Luật số 67/2020/QH14 đã sửa đổi, bổ sung nhiều nội dung quan trọng để khắc phục, cụ thể như sau:

Thứ nhất, Luật số 67/2020/QH14 đã sửa đổi khoản 1 Điều 66 Luật XLVPHC theo hướng quy định đối với 3 loại thời hạn tương ứng với 3 loại vụ việc quy định tại điểm a, b, c. Cụ thể:

Điểm a khoản 1 Điều 66 Luật số 67/2020/QH14 quy định thời hạn đối với vụ việc vi phạm thông thường 7 ngày làm việc kể từ ngày lập BBVPHC; đồng thời bổ sung thêm trường hợp vụ việc vi phạm phải chuyển hồ sơ đến người có thẩm quyền xử phạt thì thời hạn ra quyết định xử phạt là 10 ngày làm việc kể từ ngày lập BBVPHC, trừ trường hợp cơ quan tiến hành tố tụng chuyển hồ sơ đến người có thẩm quyền xử phạt do có quyết định không khởi tố vụ án, quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố vụ án thời hạn theo quy định tại khoản 3 Điều 63 Luật XLVPHC.

Điểm b khoản 1 Điều 66 Luật số 67/2020/QH14 quy định thời hạn đối với vụ việc mà cá nhân có yêu cầu giải trình hoặc phải xác minh các tình tiết liên quan theo quy định của Điều 59 của Luật này là 1 tháng, kể từ ngày lập BBVPHC. Thời hạn 1 tháng theo quy định của BLDS là thời hạn 30 ngày nên về bản chất thời hạn không thay đổi. Tuy nhiên đã loại bỏ không áp dụng thời hạn này đối với vụ việc vi phạm có nhiều tình tiết phức tạp như quy định tại khoản 1 Điều 66 Luật XLVPHC, đồng thời bổ sung thêm vụ việc có yêu cầu xác minh theo quy định của Điều 59 Luật XLVPHC được áp dụng thời hạn này.



Điểm c khoản 1 Điều 66 Luật số 67/2020/QH14 quy định thời hạn đối với vụ việc quy định tại điểm b khoản 1 Điều này mà đặc biệt nghiêm trọng, có nhiều tình tiết phức tạp, cần có thêm thời gian để xác minh thu thập chứng cứ thì thời hạn tối đa là 2 tháng kể từ ngày lập BBVPHC. Đối với thời hạn này người có thẩm quyền xử phạt căn cứ quy định của pháp luật để thực hiện mà không cần phải xin gia hạn của thủ trưởng trực tiếp.

Nội dung sửa đổi tại khoản 1 Điều 66 theo hướng kết cấu rõ ràng, dễ hiểu, dễ áp dụng và bỏ quy định về việc phải xin gia hạn của thủ trưởng trực tiếp là hoàn toàn phù hợp. Tuy nhiên, những vụ việc vi phạm hành chính nào được coi là đặc biệt nghiêm trọng có nhiều tình tiết phức tạp vẫn chưa được quy định trong luật gây khó khăn cho người có thẩm quyền xử phạt và sẽ dẫn đến việc xác định không thống nhất giữa các bộ, ngành, địa phương.

Thứ hai, khoản 2 Điều 66 được Luật số 67/2020/QH14 được sửa đổi theo hướng bỏ quy định đối với nội dung: Quá thời hạn ra QĐXPVPHC thì không ra quyết định quyết định xử phạt nhưng vẫn quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả, quyết định tịch thu sung vào ngân sách nhà nước hoặc tiêu hủy tang vật vi phạm hành chính thuộc loại cấm lưu hành. Tuy nhiên, mặc dù khoản 2 Điều 66 Luật số 67/2020/QH14 được sửa đổi theo hướng bỏ quy định đối với nội dung này nhưng tại khoản 2 Điều 65 Luật số 67/2020/QH14 vẫn quy định: quá thời hạn ban hành QĐXPVPHC thì người có thẩm quyền xử phạt không được ra quyết định xử phạt nhưng vẫn phải ra quyết định tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính nếu tang vật phương tiện vi phạm hành chính thuộc loại cấm tàng trữ, cấm lưu hành hoặc tang vật, phương tiện mà pháp luật quy định có tịch thu và áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả được quy định đối với hành vi vi phạm hành chính đó.

Như vậy khoản 2 Điều 65 Luật số 67/2020/QH14 được sửa đổi theo hướng chặt chẽ hơn, bỏ quy định “có thể” áp dụng các biện pháp này và thay bằng quy định “phải” áp dụng, khắc phục được xung đột pháp luật của quy định tại khoản 2 Điều 66 và khoản 2 Điều 65 Luật XLVPHC. Đồng thời quy định theo hướng việc áp dụng các biện pháp này không được tùy tiện mà phải tuân thủ các quy định khác của pháp luật xử lý vi phạm hành chính như chỉ được tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính nếu tang vật phương tiện vi phạm hành chính thuộc loại cấm tàng trữ, cấm lưu hành hoặc tang vật, phương tiện mà pháp luật có quy định hình thức tịch thu. Đối với áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả cũng chỉ được áp dụng đối với hành vi vi phạm được pháp luật quy định.

Đối với quy định tại khoản 1 Điều 62 Luật XLVPHC có một số bất cập về thời hạn như đã nêu và phân tích ở trên nhưng vẫn chưa được xem xét sửa đổi bổ sung. Đối với trường hợp này, nếu người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính kéo dài thời hạn ra QĐXPVPHC thì cũng không bị coi là quá thời hạn ra quyết định xử phạt và không bị điều chỉnh về hậu quả pháp lý của việc để quá thời hạn ra QĐXPVPHC theo quy định của Điều 65 XLVPHC. Nếu người bị xử phạt có yêu cầu khiếu nại hoặc khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án thì việc xem xét tính hợp pháp của quyết định này về thời hạn ban hành sẽ gặp khó khăn.

Đối với quy định tại khoản 3 Điều 63 Luật XLVPHC quy định thời hạn ra QĐXPVPHC trong trường hợp này là 30 ngày, kể từ ngày nhận được các quyết định quy định của cơ quan tiến hành tố tụng kèm theo hồ sơ vụ vi phạm. Trong trường hợp cần xác minh thêm thì thời hạn tối đa không quá 45 ngày. Quy định không phù hợp với Điều 66 Luật XLVPHC là thời hạn ra quyết định tính từ ngày lập BBVPHC mà tính từ ngày nhận được quyết định và hồ sơ của cơ quan tiến hành tố tụng. Người có thẩm quyền xử phạt có thể ra

QĐXPVPHC mà không phải lập BBVPHC. Tuy nhiên, việc ra QĐXPVPHC không lập BBVPHC trong trường hợp này không phù hợp với các quy định khác của pháp luật, bởi lẽ tại khoản 1 Điều 56 Luật XLVPHC quy định: “Xử phạt vi phạm hành chính không lập biên bản được áp dụng trong trường hợp xử phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền đến 250.000 đồng đối với cá nhân, 500.000 đồng đối với tổ chức và người có thẩm quyền xử phạt phải ra QĐXPVPHC tại chỗ”. Khoản 1 Điều 57 Luật XLVPHC quy định: “Xử phạt vi phạm hành chính có lập biên bản được áp dụng đối với hành vi vi phạm hành chính của cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính không thuộc trường hợp quy định tại đoạn 1 khoản 1 Điều 56 của Luật này”. Nội dung này cũng chưa được xem xét.

Quan điểm của chúng tôi cho rằng trong trường hợp này cũng không cần thiết buộc người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính phải tiến hành lập BBVPHC sau khi nhận được quyết định và hồ sơ của cơ quan tiến hành tố tụng. Bởi lẽ trước đó, các cơ quan tiến hành tố tụng trên cơ sở trực tiếp phát hiện dấu hiệu tội phạm hoặc dựa trên tố giác, tin báo tội phạm, kiến nghị của cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân; tin báo trên phương tiện thông tin đại chúng hoặc do người phạm tội tự thú tự khai báo về hành vi vi phạm của mình. Sau đó qua kết quả điều tra thấy không đủ căn cứ khởi tố vụ án... và xét thấy có dấu hiệu vi phạm hành chính nên đã chuyển người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính. Song để đảm bảo quy định về lập BBVPHC được thống nhất, cần sửa đổi bổ sung vào đoạn 1 khoản 1 Điều 56 Luật XLVPHC theo hướng bổ sung quy định không phải lập BBVPHC đối với trường hợp này.

Từ những phân tích nêu trên, chúng tôi đề nghị tiếp tục hoàn thiện các quy định về thời hạn ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính như sau:

(1) Sửa đổi bổ sung thêm khoản 18 Điều 2 Luật XLVPHC quy định vụ việc vi phạm hành chính đặc biệt nghiêm trọng có nhiều tình tiết phức tạp.

(2) Sửa đổi bổ sung khoản 1 Điều 62 Luật XLVPHC như sau:

Khi xem xét vụ việc vi phạm hành chính, nếu xét thấy vi phạm có dấu hiệu tội phạm thì trong thời hạn 3 ngày kể từ ngày phát hiện, người có thẩm quyền xử phạt hành chính phải chuyển hồ sơ vi phạm cho cơ quan tiến hành tố tụng. Trường hợp cơ quan tiến hành tố tụng thấy không đủ căn cứ xử lý hình sự thì trong thời hạn 3 ngày kể từ ngày ra quyết định phải chuyển hồ sơ kèm theo tang vật vi phạm (nếu có) cho người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính.

Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong thời hạn quy định tại khoản 3 Điều 63 Luật XLVPHC.

(3) Sửa đổi bổ sung điểm c khoản 1 Điều 65 Luật XLVPHC như sau:

c) Hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính quy định tại Điều 6 hoặc hết thời hạn ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính quy định tại khoản 1 Điều 62, khoản 3 Điều 63 hoặc khoản 1 Điều 66 của Luật này.

(4) Sửa đổi bổ sung khoản 1 Điều 56 Luật XLVPHC như sau:

1. Xử phạt vi phạm hành chính không lập biên bản được áp dụng trong trường hợp sau:

a) Xử phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền đến 250.000 đồng đối với cá nhân, 500.000 đồng đối với tổ chức và người có thẩm quyền xử phạt phải ra QĐXPVPHC tại chỗ”.

b) Xử phạt theo quy định của Điều 63 của Luật này.

Trên đây là một số nội dung trao đổi của chúng tôi, rất mong được bạn đọc trao đổi để tiếp tục hoàn thiện các quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong thời gian tới./.